

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 427/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/9/2022.

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Thi;
2. Bà Dương Thị Thúy Duy.

Thư ký ghi biên bản: Bà Triệu Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 327/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 593/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 700/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09/9/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm: 1983, nơi cư trú: tổ 27, ấp N, xã P, huyện A, tỉnh An Giang

Bị đơn: Ông Trương Hoàng V, sinh năm 1980, cư trú: tổ 27, ấp N, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa hôm nay tất cả vắng mặt; bà T có đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Về hôn nhân: Ông bà tiến đến hôn nhân là do tự tìm hiểu, tổ chức đám cưới vào năm 2001 và có đăng ký hôn trề hạn tại UBND xã P vào năm 2009. Chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do ông V phát sinh tình cảm với người phụ nữ khác, bỏ mặt vợ con. Nhiều lần gia đình đã hàn gắn nhưng không được, vợ chồng bà đã ly thân từ thời gian đó đến nay. Hiện tại, ông V đã chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác, nhận thấy tình cảm không còn, có quay về chung sống không hạnh phúc nên bà T yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Trương Thị Anh T, sinh ngày 21/02/2002 trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết và Trương Trọng V, sinh ngày 15/03/2014, hiện do bà T chăm sóc. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu V và không yêu cầu ông Vũ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà yêu cầu không tiến hành hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử do bà kiên quyết ly hôn, không còn tình cảm với ông V. Đồng thời, bà xin vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa bảo lưu ý kiến.

Cháu Trương Trọng V trình bày: Ông V là cha ruột, bà T là mẹ ruột, cháu hiện đang học lớp 3 trường A, Bình Dương. Cha mẹ đã không còn chung sống từ năm 2017 đến nay nguyên nhân cháu không rõ. Nếu cha mẹ ly hôn cháu xin được tiếp tục sống với mẹ và không yêu cầu gì về cha.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt cho ông V theo quy định nhưng ông vẫn không có mặt theo các thông báo của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của bà T, ông V để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được:

Về nơi cư trú: Theo sổ hộ khẩu số 2775 được Công an xã P cấp ngày 14/8/2009 thể hiện ông V vẫn còn đăng ký hộ khẩu tại ấp N, xã P, huyện A, tỉnh An Giang chưa tách, chuyển đi nơi khác.

Về mâu thuẫn hôn nhân được bà Nguyễn Thị Ngọc T là em dâu út của bà T cho biết ông V và bà T do kinh tế khó khăn nên đi Bình Dương làm công nhân kiếm sống, ban đầu ông V chí thú làm ăn nhưng chỉ được một thời gian ngắn ông phát sinh tình cảm với người phụ nữ khác, khi gia đình có lên tiếng khuyên ngăn nhưng ông không nghe mà bỏ mặt vợ con đi theo người khác từ năm 2017. Bà T còn tình cảm nên nhiều năm chờ đợi, gia đình hai bên khuyên bà nên chấm dứt để có được cuộc sống mới nên bà nộp đơn xin ly hôn với ông V.

Tại phiên tòa, bà T vắng mặt có đơn, ông V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông bà theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà T chung sống với ông V đến năm 2017 thì không còn hạnh phúc nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con chung là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông V hiện đang cư trú tại xã P, huyện A. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, An Giang.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Bà T và ông V xây dựng trên sự tự nguyện chung sống có tiến hành tổ chức lễ cưới vào năm 2001 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P vào ngày 14/8/2009 nên phát sinh trách nhiệm pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và được pháp luật bảo vệ theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Mặc dù Tòa án đã động viên và hòa giải nhưng bà T vẫn cương quyết xin được ly hôn với ông V. Tại phiên tòa hòa giải bà T yêu cầu không tiến hành hòa giải do không còn tình cảm và tại phiên tòa hôm nay bà vắng mặt đã thể hiện việc không thể quay lại chung sống với ông V. Hội đồng xét xử xét thấy thời gian ly thân từ năm 2017 đến nay không có giải pháp hàn gắn, bà T chờ đợi do còn tình cảm vợ chồng nhưng ông V không đồng ý chung sống do phát sinh tình cảm với người khác, gia đình hai bên ủng hộ việc bà T ly hôn với ông V. Mâu thuẫn vợ chồng ông bà phù hợp với lời trình bày của bà T là em dâu bà T. Xét thấy mâu

thuần của ông bà là trầm trọng, không thể hàn gắn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống ông bà có 02 con chung Trương Thị Anh T, sinh ngày 21/02/2002 trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết và Trương Trọng V, sinh ngày 15/03/2014, hiện do bà T chăm sóc.

Xét thấy, từ khi ông bà ly thân đến nay cháu V được bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy phát triển tốt, môi trường sống ổn định, tình cảm mẹ - con đã gắn bó việc thay đổi chỗ ở, hoàn cảnh sống đột ngột sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát triển của các cháu sau này.

Quan trọng hơn, cháu V có nguyện vọng được tiếp tục sống với bà T khi Tòa án giải quyết ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T được tiếp tục nuôi con chung.

[3.3] Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của bà.

Hội đồng xét xử giải thích cho các đương sự biết: Bà T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bà T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu T.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với ông Trương Hoàng V.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 110 ngày 14/8/2009 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện A, tỉnh An Giang mang tên ông Trương Hoàng V và bà Nguyễn Thị Thu T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu T được tiếp tục nuôi con chung tên Trương Trọng V, sinh ngày 15/03/2014. Công nhận tự nguyện của bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Bà T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định

3. Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007086 ngày 18/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. Bà T nộp đủ. Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/9/2022), các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo đối với người vắng mặt được tính kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh AG (1);
- VKS tỉnh AG (1);
- VKS huyện AP (2);
- THADS huyện AP (1);
- UBND xã nơi ĐKKH (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu VP (1);
- Lưu HS (1).

Nguyễn Thị Thảo Ngân